

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH  
THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 29

\\2\3  
P  
TP

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **CÔNG TY**

Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty 100% vốn Nhà nước, được thành lập trên cơ sở hợp nhất các doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Khánh Hòa và Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Khánh Hòa theo quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 14/9/2017, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201793589 đăng ký lần đầu ngày 21/5/2018 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, thay đổi lần thứ hai ngày 13/10/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 13/10/2021 là 2.818.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai nghìn tám trăm mười tám tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANH HOA IRRIGATION EXPLOITATION COMPANY LIMITED.

Tên Công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

### **CHỦ TỊCH, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Chủ tịch**

Ông Nguyễn Thái Hùng                      Chủ tịch kiêm Giám đốc

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Thái Hùng                      Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/10/2021)

Ông Phạm Là                                      Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/9/2021)

Ông Đinh Văn Mỹ                              Phó Giám đốc

Ông Phạm Lựạ                                   Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/4/2021)

#### **Kiểm soát viên**

Ông Nguyễn Lê Quốc Dũng                      Kiểm soát viên

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



---

**Nguyễn Thái Hùng**  
**Chủ tịch kiêm Giám đốc**  
Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Số: 166/2022/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”), được lập tại ngày 31/3/2022, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



**Phan Thanh Nam**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2022*

**Đàm Tuấn Anh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>62.566.227.289</b>	<b>44.813.956.424</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>51.679.585.714</b>	<b>36.208.824.846</b>
1. Tiền	111		51.679.585.714	36.208.824.846
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.559.024.445</b>	<b>7.899.906.181</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.225.125.966	2.385.170.572
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.996.839.000	4.727.110.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	361.050.479	792.175.109
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(23.991.000)	(4.550.000)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>277.853.220</b>	<b>245.446.249</b>
1. Hàng tồn kho	141		277.853.220	245.446.249
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>49.763.910</b>	<b>459.779.148</b>
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.7	49.763.910	459.779.148
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>2.931.826.508.717</b>	<b>2.943.453.624.194</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.924.805.623.717</b>	<b>2.802.525.488.674</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	2.924.805.623.717	2.802.525.488.674
- Nguyên giá	222		3.148.278.924.212	3.024.237.583.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(223.473.300.495)	(221.712.094.424)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		109.646.000	109.646.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(109.646.000)	(109.646.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.871.134.000</b>	<b>140.493.127.720</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	6.871.134.000	140.493.127.720
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>149.751.000</b>	<b>435.007.800</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	149.751.000	435.007.800
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>2.994.392.736.006</b>	<b>2.988.267.580.618</b>


HH  
N  
AI  
+  
VH  
VPH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>34.915.052.854</b>	<b>19.378.887.921</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.915.052.854</b>	<b>19.378.887.921</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	17.735.233.551	12.312.414.079
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	172.006.057	1.044.727
3. Phải trả người lao động	314		1.463.788.194	2.256.366.631
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	10.562.677.898	1.145.532.690
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.267.150.438	845.678.931
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.714.196.716	2.817.850.863
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>	<b>5.15</b>	<b>2.959.477.683.152</b>	<b>2.968.888.692.697</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.959.272.319.499</b>	<b>2.971.149.180.027</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.825.998.692.626	2.826.059.964.269
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		339.183.893	339.183.893
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.943.825.009	3.665.645
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(2.870.109.391)	(3.028.368.709)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		4.813.934.400	3.032.034.354
4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		130.990.617.971	144.746.366.220
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>205.363.653</b>	<b>(2.260.487.330)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		205.363.653	(2.260.487.330)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>2.994.392.736.006</b>	<b>2.988.267.580.618</b>

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập



Nguyễn Thị Phương Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc Hòa

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Nguyễn Thái Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	65.612.396.654	44.734.641.616
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	10	6.1	65.612.396.654	44.734.641.616
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	21.890.618	-
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	20		65.590.506.036	44.734.641.616
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	42.926.042	65.851.678
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	60.381.215.802	41.412.217.995
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	30		5.252.216.276	3.388.275.299
11. Thu nhập khác	31	6.5	29.489.897	588.658.750
12. Chi phí khác	32	6.5	162.292.671	779.702.654
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	40	6.5	(132.802.774)	(191.043.904)
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	50		5.119.413.502	3.197.231.395
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	305.479.102	165.197.041
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	60		4.813.934.400	3.032.034.354

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập

Nguyễn Thị Phương Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Hòa

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Nguyễn Thái Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

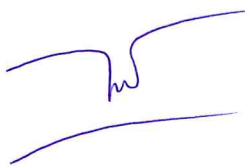
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.119.413.502	3.197.231.395
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.777.545.175	1.705.020.422
- Các khoản dự phòng	03	19.441.000	4.550.000
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(42.926.042)	(65.851.678)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	6.873.473.635	4.840.950.139
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.293.631.183)	(690.363.597)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(32.406.971)	52.509.165
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	14.559.427.135	(37.247.919.026)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	285.256.800	(435.007.800)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(200.000.000)	(101.138.543)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	57.140.552.480	72.187.507.673
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(28.977.427.200)	(30.694.453.959)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	47.355.244.696	7.912.084.052
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(31.927.409.870)	(705.848.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	24.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.926.042	65.851.678
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(31.884.483.828)	(615.996.322)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	15.470.760.868	7.296.087.730
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	36.208.824.846	28.912.737.116
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	51.679.585.714	36.208.824.846

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập



Nguyễn Thị Phương Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc Hòa

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Nguyễn Thái Hùng

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG  
TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty 100% vốn Nhà nước, được thành lập trên cơ sở hợp nhất các doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Khánh Hòa và Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Khánh Hòa theo quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 14/9/2017, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201793589 đăng ký lần đầu ngày 21/5/2018 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, thay đổi lần thứ hai ngày 13/10/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần lần thứ 2 ngày 13/10/2021 là 2.818.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai nghìn tám trăm mười tám tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANH HOA IRRIGATION EXPLOITATION COMPANY LIMITED.

Tên Công ty viết tắt là: CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 189 người (tại ngày 31/12/2020 là 186 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- **Hoạt động dịch vụ trồng trọt.** Chi tiết: Quản lý, bảo vệ, vận hành hệ thống công trình thủy lợi. Khai thác tổng hợp nguồn nước trên hệ thống thủy lợi quản lý: tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản;
- **Trồng rừng và chăm sóc rừng.** Chi tiết: Quản lý, bảo vệ rừng và trồng rừng;
- **Khai thác , xử lý và cung cấp nước.** Chi tiết: Khai thác tổng hợp nguồn nước trên hệ thống thủy lợi quản lý, cung cấp nước cho: Sản xuất công nghiệp, sinh hoạt, nước sạch, du lịch, phát điện;
- **Xây dựng công trình công ích.** Chi tiết: Tu bổ, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi trong phạm vi công ty quản lý.

Hoạt động chính của Công ty trong năm : Hoạt động công ích thủy lợi và cung cấp nước thô.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG  
TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Nha Trang	Đường Bờ Sông - thôn Trung, xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Đá Bàn	Thôn Ngọc Sơn, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Chi nhánh huyện Vạn Ninh	597 Hùng Vương, Thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Chi nhánh tu bổ, sửa chữa thường xuyên công trình Thủy Lợi	Quốc lộ 1a, Tổ dân phố Vạn Thiện, phường Ninh Đa, Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Cam Ranh	107 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Lợi, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Cam Lâm	Suối Lau, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Diên Khánh	89 Trần Quý Cáp, Thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Ninh Hòa	Tổ dân phố Thanh Châu, phường Ninh Giang, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Cầu đôi	Phước Tuy 2, xã Diên Phước, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các hạng mục tài sản phục vụ quản lý: Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Đối với tài sản cố định hữu hình là hạ tầng thủy lợi: Công ty quản lý, sử dụng và trích hao mòn tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ban hành ngày 17/8/2018 quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.

Đối với các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước hoặc theo hình thức đối tác công tư: chi phí khấu hao tài sản cố định được tính trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi bao gồm: phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị, hệ thống thông tin quản lý vận hành và máy móc thiết bị quản lý dùng trong văn phòng.

Các tài sản cố định hữu hình phục vụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10
Tài sản khác	07 - 10

01  
TY  
IT  
IE  
NH  
CHI  
IN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Theo quy định tại khoản 6, Điều 07 của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính, các tài sản sau đây của Công ty khai thác thủy lợi không phải trích khấu hao:

- Tài sản là máy móc thiết bị, dây truyền sản xuất, tài sản được xây đúc bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương, ...)
- Máy bơm nước từ 8.000 m<sup>3</sup>/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán có thời gian khấu hao là 5 - 8 năm.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Chi phí xây dựng đơn giá bán:**

Chi phí xây dựng đơn giá bán phục vụ Công trình thủy lợi được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí lương theo năng suất người lao động và chi phí bảo trì thủy lợi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty phù hợp với Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu Cung cấp dịch vụ Công ích thủy lợi, doanh thu hoạt động cung cấp nước thô (dịch vụ thủy lợi khác) và Doanh thu bảo trì công trình thủy lợi.

**Doanh thu công ích thủy lợi**

Doanh thu công ích thủy lợi được xác định và tính toán dựa trên diện tích tưới nhân với đơn giá bán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong đó:

Diện tích tưới được xác định trên biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng có xác nhận của 4 bên bao gồm: Đơn vị sử dụng nước, đơn vị cung cấp nước, Ủy ban Nhân dân nơi cấp nước và Đại diện Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa.

Đơn giá bán được lấy theo Quyết định số 4026/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 05/11/2021 về việc quy định giá cụ thể sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi từ các công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

***Doanh thu cung cấp nước thô (dịch vụ thủy lợi khác)***

Doanh thu bán nước thô (dịch vụ thủy lợi khác) được xác định và tính toán dựa trên sản lượng nước tiêu thụ hàng tháng, được xác định theo chỉ số đồng hồ nước đo được của khách hàng được xác định do đại diện Công ty và khách hàng tiến hành đo đạc và có biên bản xác nhận nhân với đơn giá tiền nước được ký kết giữa Công ty và đơn vị sử dụng. Đơn giá bán được áp dụng theo Quyết định số 4009/QĐ-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành ngày 03/11/2021 về việc quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác.

***Doanh thu bảo trì kết cấu hạ tầng thủy lợi***

Doanh thu bảo trì kết cấu hạ tầng thủy lợi được ghi nhận trên cơ sở dựa vào công tác kiểm tra các công trình do Công ty quản lý sau đó tập hợp và tổng hợp danh mục bảo trì và khái toán kinh phí bảo trì và gửi cho Sở nông nghiệp xem xét thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt doanh mục để thực hiện trong năm.

***Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh liên quan đến doanh thu công ích thủy lợi và cung cấp nước thô bao gồm các chi phí trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế của hoạt động dịch vụ tưới tiêu, tiêu nước, cây bừa đất, nạo vét kênh mương...theo quy định tại khoản 2, điều 8, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế của các hoạt động còn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	487.201.223	560.193.461
Tiền gửi ngân hàng	51.192.384.491	35.648.631.385
<b>Tổng</b>	<b>51.679.585.714</b>	<b>36.208.824.846</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần đường Việt Nam	6.019.650	20.922.300
DNTN - Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản Miền Trung	6.500.000	6.500.000
Công ty TNHH Hải Đăng - thuê hồ Đồng Bò	104.305.637	104.305.637
Công ty Cổ phần Đô Thị Ninh Hòa	337.639.050	277.159.050
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	54.375.300	22.360.590
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương - Nhà máy nước Cam Lâm	351.400.000	351.540.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	1.454.355.000	1.178.370.000
Công ty Cổ phần KCN Suối Dầu	184.615.200	131.062.995
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	574.843.500	292.950.000
Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa	3.151.072.629	-
<b>Tổng</b>	<b>6.225.125.966</b>	<b>2.385.170.572</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG  
TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Xây Dựng Thủy Lợi Diên Khánh	-	749.000.000
Công ty TNHH Nhật Tùng	1.892.739.000	1.892.739.000
Công ty TNHH Tư Vấn & Xây Dựng Gia Lộc	1.419.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	383.000.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại Nam Thắng	-	1.785.271.500
Công ty Luật TNHH T&D	160.000.000	210.000.000
Các đối tượng khác	142.100.000	90.100.000
<b>Tổng</b>	<b>3.996.839.000</b>	<b>4.727.110.500</b>

178  
H  
N  
VA  
H  
NH  
VI

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng	135.906.000	-	379.117.630	-
Các công trình chống hạn chưa quyết toán (i)	158.462.000	-	158.462.000	-
Chi phí quản lý dự án	-	-	209.485.000	-
Phải thu khác	66.682.479	-	45.110.479	-
<b>Tổng</b>	<b>361.050.479</b>	<b>-</b>	<b>792.175.109</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản phải thu Ngân sách của Công các công trình chống hạn, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh sau khi có quyết toán của các công trình này.

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	23.991.000	-	6.500.000	1.950.000
DNTN - Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản Miền Trung	6.500.000	-	6.500.000	1.950.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi và Cơ sở Hạ Tầng	17.491.000	-	-	-

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	168.423.071	-	114.125.482	-
Thành phẩm	51.087.297	-	72.977.915	-
Hàng hóa	58.342.852	-	58.342.852	-
<b>Tổng</b>	<b>277.853.220</b>	<b>-</b>	<b>245.446.249</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.7 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước**

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
<b>Phải nộp</b>	<b>1.044.727</b>	<b>2.778.518.417</b>	<b>2.607.557.087</b>	<b>172.006.057</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.044.727	894.111.212	895.155.939	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	280.391.945	200.000.000	80.391.945
Thuế thu nhập cá nhân	-	292.866.122	292.866.122	-
Thuế tài nguyên	-	1.132.726.312	1.041.112.200	91.614.112
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	173.422.826	173.422.826	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>459.779.148</b>	<b>410.015.238</b>	-	<b>49.763.910</b>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	187.579.071	165.124.030	-	22.455.041
Thuế thu nhập cá nhân	121.004.771	116.405.902	-	4.598.869
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.087.157	25.087.157	-	-
Thuế tài nguyên	103.398.149	103.398.149	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	22.710.000	-	-	22.710.000

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.8 Tăng, giảm sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định		Tổng
						khác	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.995.548.033.540	24.054.332.943	3.542.880.600	854.773.615	237.562.400	3.024.237.583.098	
Tăng trong năm	124.118.951.861	-	-	-	-	124.118.951.861	
Xây dựng cơ bản hoàn thành	124.118.951.861	-	-	-	-	124.118.951.861	
Giảm trong năm	77.610.747	-	-	-	-	77.610.747	
Thanh lý tài sản	77.610.747	-	-	-	-	77.610.747	
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>3.119.589.374.654</b>	<b>24.054.332.943</b>	<b>3.542.880.600</b>	<b>854.773.615</b>	<b>237.562.400</b>	<b>3.148.278.924.212</b>	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2021	209.029.595.861	9.048.897.464	2.736.905.789	669.986.705	226.708.605	221.712.094.424	
Tăng trong năm	-	1.418.429.640	285.977.712	62.284.028	10.853.795	1.777.545.175	
Khấu hao trong năm	-	1.418.429.640	285.977.712	62.284.028	10.853.795	1.777.545.175	
Giảm trong năm	16.339.104	-	-	-	-	16.339.104	
Thanh lý tài sản	16.339.104	-	-	-	-	16.339.104	
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>209.013.256.757</b>	<b>10.467.327.104</b>	<b>3.022.883.501</b>	<b>732.270.733</b>	<b>237.562.400</b>	<b>223.473.300.495</b>	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.786.518.437.679	15.005.435.479	805.974.811	184.786.910	10.853.795	2.802.525.488.674	
Số dư tại ngày 31/12/2021	2.910.576.117.897	13.587.005.839	519.997.099	122.502.882	-	2.924.805.623.717	

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 2.942.784.921 VND (tại ngày 01/01/2021 là: 2.675.904.921 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.9 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Phần mềm kế toán</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2021	109.646.000	109.646.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	<u>109.646.000</u>	<u>109.646.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2021	109.646.000	109.646.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	<u>109.646.000</u>	<u>109.646.000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2021	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	-	-

*Trong đó:*

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 109.646.000 VND (tại ngày 01/01/2021 là: 109.646.000 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tính toán dòng chảy, khả năng xả lũ (phía Nam) (i)	677.170.500	677.170.500
Lập phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình (phía Nam) (i)	2.803.157.000	2.803.157.000
Kiểm định an toàn đập hồ chứa nước Cam Ranh (phía Nam) (i)	973.810.000	973.810.000
Kiểm định an toàn đập hồ chứa nước Suối Dầu (phía Nam) (i)	1.043.980.500	1.043.980.500
Sửa chữa, nâng cấp Kênh chính Đông và Kênh chính Tây - Hồ chứa nước Am Chúa	-	9.714.396.000
Kiên cố Kênh đoạn 1 - Xã Suối Hiệp	-	3.626.211.000
Dự án hồ Tà Rục	-	24.843.147.000
Kè bờ tả hạ lưu đập ngăn mặn bán kiên cố Sông Cái	-	11.051.924.000
Sửa chữa mái thượng hạ lưu hồ Đá Bàn	-	13.804.194.729
Hệ thống kênh đập Hòa Huỳnh - Bốn Tổng - Buy Ruột Ngựa	-	52.362.040.991
Hệ thống Thủy Lợi Hồ chứa nước Hoa Sơn (Kênh N21 và kênh N2)	247.327.000	247.327.000
Sửa chữa, nâng cấp kênh tiêu KT1, KT2	-	14.070.615.000
Kênh Vãn định đoạn từ K0 đến K0+995 đập dâng Chi Trừ	-	5.275.154.000
Sửa chữa hư hỏng xi phong hồ Suối Hành	609.576.000	-
Sửa chữa Cầu Máng - Trạm bơm Vĩnh Phương	161.254.000	-
Sửa chữa đập dâng Hàm Rồng	354.859.000	-
<b>Tổng</b>	<b>6.871.134.000</b>	<b>140.493.127.720</b>

(i) Đây là các dự án dở dang của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Nam Khánh Hòa trước khi được sát nhập. Hiện tại các Công trình này Công ty đang thực hiện trình lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý tài chính do các đối tượng liên quan đang thi hành án do vi phạm về luật quản lý tài sản công. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh sau khi có ý kiến chính thức của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí xây dựng giá dịch vụ thủy lợi khác	149.751.000	299.501.000
Chi phí thực hiện giấy phép nước mặt	-	135.506.800
<b>Tổng</b>	<b>149.751.000</b>	<b>435.007.800</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Khánh Anh	1.091.080.000	1.091.080.000	1.143.824.000	1.143.824.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình Tây Đô	271.445.000	271.445.000	451.935.000	451.935.000
DNTN Xi nghiệp xây dựng thủy Lợi Diên Khánh	171.384.000	171.384.000	246.516.000	246.516.000
Chi nhánh tư bố, Sửa chữa thường xuyên Công trình thủy lợi	1.026.690.410	1.026.690.410	1.230.600.000	1.230.600.000
Công ty TNHH MTV Khánh Lâm	2.497.610.000	2.497.610.000	2.068.287.000	2.068.287.000
Công ty TNHH Xây Dựng Thành Danh	3.325.445.000	3.325.445.000	1.277.026.000	1.277.026.000
Công ty TNHH Tư Vấn & Xây Dựng Gia Lộc	1.762.009.000	1.762.009.000	797.267.000	797.267.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn & Xây Dựng Giao Thông - Thủy Lợi 70	617.216.589	617.216.589	578.509.938	578.509.938
Công ty TNHH MTV Thương Mại Đầu Tư Xây Dựng Khánh Hòa	1.613.519.000	1.613.519.000	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây Dựng và dịch vụ 18	611.072.380	611.072.380	547.146.000	547.146.000
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Phú Tài Lợi	41.449.000	41.449.000	877.218.000	877.218.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây Dựng Trường Thi	-	-	623.275.000	623.275.000
Các đối tượng còn lại	4.706.313.172	4.706.313.172	2.470.810.141	2.470.810.141
<b>Tổng</b>	<b>17.735.233.551</b>	<b>17.735.233.551</b>	<b>12.312.414.079</b>	<b>12.312.414.079</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí bảo trì trong giá thủy lợi phí	1.079.532.690	1.079.532.690
Trích trước chi phí lương đối với phần công việc đã thực hiện trong giá thủy lợi phí	9.483.145.208	-
Trích trước chi phí khác	-	66.000.000
<b>Tổng</b>	<b>10.562.677.898</b>	<b>1.145.532.690</b>

**5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	65.670.944	65.670.944
Công trình HT cấp nước thô Dệt May-Võ Ngọc Lệ (i)	514.513.767	514.513.767
Công trình kênh 4 Tổng - đập dâng Hòa Huỳnh (i)	44.750.000	44.750.000
Công trình kênh 5 đập dâng Sông Cái - Đoàn Phi Dũng (i)	46.580.000	46.580.000
Tiền lương và tiền ăn ca	93.078.640	93.078.640
Các khoản phải trả, phải nộp khác	502.557.087	81.085.580
<b>Tổng</b>	<b>1.267.150.438</b>	<b>845.678.931</b>

(i) Là khoản phải trả tiền bảo hành Công trình cho các cá nhân tự thực hiện, các đối tượng này hiện đang thi hành án nên sẽ được xử lý theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.15 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Nguồn kinh phí và quỹ khác	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	2.821.775.574.857	339.183.893	78.592.853	101.619.835.175	(2.727.914.844)	2.921.085.271.934
Tăng trong năm	5.837.244.000	-	3.032.034.354	43.126.531.045	29.028.941.628	81.024.751.027
Lợi nhuận trong năm	-	-	3.032.034.354	-	-	3.032.034.354
Tăng tài sản từ nguồn vốn ngân sách cấp	5.837.244.000	-	-	-	-	5.837.244.000
Nguồn vốn đầu tư XDCB được cấp	-	-	-	43.126.531.045	-	43.126.531.045
Vốn ngân sách cấp từ thù lợi phí	-	-	-	-	29.028.941.628	29.028.941.628
<b>Giảm trong năm</b>	<b>1.552.854.588</b>	-	<b>3.106.961.562</b>	-	<b>28.561.514.114</b>	<b>33.221.330.264</b>
Sử dụng vốn Ngân sách cấp từ thù lợi phí	-	-	-	-	28.561.514.114	28.561.514.114
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	3.106.961.562	-	-	3.106.961.562
Điều chuyển tài sản	1.552.854.588	-	-	-	-	1.552.854.588
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>2.826.059.964.269</b>	<b>339.183.893</b>	<b>3.665.645</b>	<b>144.746.366.220</b>	<b>(2.260.487.330)</b>	<b>2.968.888.692.697</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>2.826.059.964.269</b>	<b>339.183.893</b>	<b>3.665.645</b>	<b>144.746.366.220</b>	<b>(2.260.487.330)</b>	<b>2.968.888.692.697</b>
Tăng trong năm	-	-	4.813.934.400	27.674.703.480	29.465.849.000	61.954.486.880
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	4.813.934.400	-	-	4.813.934.400
Nguồn vốn đầu tư XDCB được cấp	-	-	-	27.555.413.500	-	27.555.413.500
Tiền bồi thường làm tình lộ 2	-	-	-	119.289.980	-	119.289.980
Vốn ngân sách cấp từ thù lợi phí	-	-	-	-	29.465.849.000	29.465.849.000
<b>Giảm trong năm</b>	<b>61.271.643</b>	-	<b>2.873.775.036</b>	<b>41.430.451.729</b>	<b>26.999.998.017</b>	<b>71.365.496.425</b>
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020	-	-	2.073.775.036	-	-	2.073.775.036
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021	-	-	800.000.000	-	-	800.000.000
Thanh lý tài sản	61.271.643	-	-	-	-	61.271.643
Sử dụng vốn Ngân sách cấp từ thù lợi phí	-	-	-	-	26.999.998.017	26.999.998.017
Giảm vốn không hình thành tài sản cố định	-	-	-	41.430.451.729	-	41.430.451.729
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>2.825.998.692.626</b>	<b>339.183.893</b>	<b>1.943.825.009</b>	<b>130.990.617.971</b>	<b>205.363.653</b>	<b>2.959.477.683.152</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

<b>Chủ sở hữu</b>	<b>Vốn theo đăng ký kinh doanh VND</b>	<b>Vốn thực góp VND(*)</b>	<b>Tỷ lệ đăng ký góp (%)</b>
Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa	2.818.000.000.000	2.818.000.000.000	100%
<b>Tổng</b>	<b>2.818.000.000.000</b>	<b>2.818.000.000.000</b>	<b>100%</b>

(\*) Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2021 đang cao hơn so với vốn điều lệ trên giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 13/10/2021 là 7.998.692.626 VND. Công ty đã có quyết định phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ số 2174/QĐ/UBND ngày 28/7/2021 về việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty từ 2.818.000.000.000 VND lên 2.825.998.692.626 VND. Tuy nhiên tới thời điểm phát hành báo cáo Công ty chưa thực hiện thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Doanh thu cung cấp nước thô	21.156.145.202	16.173.127.502
Doanh thu thủy lợi phí	30.151.070.646	20.465.849.486
Doanh thu bảo trì kết cấu hạ tầng thủy lợi	14.305.180.806	8.095.664.628
<b>Tổng</b>	<b>65.612.396.654</b>	<b>44.734.641.616</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Xử lý hao hụt hàng tồn kho	21.890.618	-
<b>Tổng</b>	<b>21.890.618</b>	<b>-</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.926.042	65.851.678
<b>Tổng</b>	<b>42.926.042</b>	<b>65.851.678</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 Trình bày lại
Chi phí cho công tác vận hành	33.521.378.249	21.852.724.442
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.777.545.175	1.705.020.422
Thuế phí và lệ phí	1.543.134.820	1.161.366.888
Chi phí dự phòng	19.441.000	4.550.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	435.546.033	478.796.945
Chi phí bảo trì công trình thủy lợi - nguồn hỗ trợ	14.305.180.806	8.095.664.628
Chi phí khác bằng tiền	8.778.989.719	8.114.094.670
<b>Tổng</b>	<b>60.381.215.802</b>	<b>41.412.217.995</b>

**6.5 Lợi nhuận khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản cố định	-	24.000.000
Thu nhập từ doanh thu bán rừng keo	-	460.700.000
Các khoản khác	29.489.897	103.958.750
<b>Tổng</b>	<b>29.489.897</b>	<b>588.658.750</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí bán rừng keo	-	25.100.000
Các khoản phạt vi phạm hành chính	11.748.627	708.342.083
Các khoản khác	150.544.044	46.260.571
<b>Tổng</b>	<b>162.292.671</b>	<b>779.702.654</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(132.802.774)</b>	<b>(191.043.904)</b>

019  
TY T  
TO,  
IET  
NHÁP  
CHÍNH  
INH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.119.413.502</b>	<b>3.197.231.395</b>
<b>2. Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>11.748.627</b>	<b>736.522.509</b>
Chi phí không hợp lý	11.748.627	736.522.509
<b>3. Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>3.603.766.618</b>	<b>2.753.775.040</b>
Thu nhập từ hoạt động tưới tiêu, dịch vụ thủy nông được miễn thuế	3.603.766.618	2.753.775.040
<b>4. Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.527.395.511</b>	<b>1.179.978.864</b>
<b>5. Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.527.395.511</b>	<b>1.179.978.864</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>6. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>305.479.102</b>	<b>235.995.773</b>
Thuế thu nhập được miễn giảm	-	70.798.732
<b>7. Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>305.479.102</b>	<b>165.197.041</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Thu nhập của Viên chức quản lý Công ty

Bên liên quan	Tính chất	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Viên chức quản lý Công ty	Lương, thưởng và thù lao	1.623.914.730	772.534.314

**7.2 Số liệu so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập

Nguyễn Thị Phương Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Hòa

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Nguyễn Thái Hùng